TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05/9/2019
V/v: "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mạnh và bà Nguyễn Thị Hoài Bão.

Thư ký ghi phiên toà: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2019/TLST – HNGĐ ngày 12/3/2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị P, Sinh năm: 1990. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Anh Chiều Văn S . Sinh năm: 1989. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trịnh Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Chiều Văn S năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn H, xã Q được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, nhiều lần xô xát nên tháng 2/2019 chị đã về nhà cha mẹ đẻ tại thôn Đ, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk sinh sống đến nay.

Nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh S.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là: Chiều Kim A, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2014, hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang dạy tại trường mẫu giáo xã E, thu nhập một tháng 4.600.000đ

- Về tài sản chung : Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Chị P nhận nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Chiều Văn S trình bày:

Anh thống nhất với toàn bộ nội dung về việc kết hôn, con chung, chị P đã về nhà cha mẹ đẻ sống từ tháng 02/2019 đến nay mà chị Trịnh Thị P đã trình bày ở trên. Còn mâu thuẫn vợ chồng thì anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không có ý kiến gì về việc nuôi con chung sau ly hôn và vợ chồng không có tài sản chung gỉ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Về thủ tục tố tụng:

Đối với Thẩm phán về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng còn vi phạm về thời hạn xét xử.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa Chị Trịnh Thị P và anh Chiều Văn S được xác lập ttrên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là Hôn nhân hợp pháp, quyền và lợi ích của các bên luôn được pháp luật bảo vệ. Nhưng do quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài mà vợ chồng không khắc phục được. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị P vẫn kiên quyết ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, đã sống riêng từ tháng 2/2019 đến nay.

Kết quả xác minh tại địa P thể hiện, vợ chồng chị P có mâu thuẫn, không còn sống chung, điều này phù hợp với lời khai của chị P, anh S nên HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại trong khoảng thời an dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[3]. Về con chung: Xét vợ chồng có 01 con chung là Chiều Kim A, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2014. Chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, chưa yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét hiện chị P đang dạy tại trường mẫu giáo xã E, huyện C có thu nhập một tháng 4.600.000đ nên có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi con phát triển tốt nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị P;

Chị Trịnh Thị P được ly hôn anh Chiều Văn S.

[2]. Về nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Chị Trịnh Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Chiều Kim A, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3]. Về án phí: Chị Trịnh Thị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0007079 ngày 06/3/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

[4].Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện CưM’gar;
- Chi cục Thi hành án dân sự CưM’gar;
- UBND xã C;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hiền